

Bài 32 CHƠI CHONG CHÓNG (6 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Đọc đúng các từ dễ nhầm lẫn do phát âm địa phương, đọc rõ ràng một câu chuyện ngắn; biết nghỉ hơi sau khi đọc câu, đọc đoạn. Hiểu nội dung bài đọc về hai anh em chơi một trò chơi rất vui, qua đó thấy được tình cảm anh em thân thiết, đoàn kết, nhường nhịn lẫn nhau.
2. Nghe – viết đúng chính tả một đoạn ngắn trong bài đọc theo hình thức nghe – viết, biết viết hoa các chữ cái đầu câu. Làm đúng các bài tập chính tả phân biệt *iu/ ưu; ăt/ ăc/; ăt/ ăc*.
3. a. Phát triển vốn từ về tình cảm gia đình; luyện tập về cách sử dụng dấu phẩy.
b. Viết được một tin nhắn cho người thân.
4. Tìm đọc mở rộng được một bài thơ, câu chuyện kể về sinh hoạt chung của gia đình.
5. a. Hình thành và phát triển năng lực văn học (nhận biết được các nhân vật trong câu chuyện, hiểu được cốt truyện); phát triển năng lực ngôn ngữ trong việc viết một tin nhắn.
b. Biết yêu thương, chia sẻ, nhường nhịn giữa anh chị em trong gia đình; có tinh thần hợp tác trong làm việc nhóm.

II CHUẨN BỊ

1. Kiến thức

- Đặc điểm VB truyện kể (có cốt truyện, nhân vật, lời kể), cách thể hiện đặc điểm nhân vật và tình cảm, cảm xúc giữa các nhân vật.
- Phương pháp dạy học phát huy trải nghiệm, tăng cường hoạt động thực hành giao tiếp.

2. Phương tiện dạy học

- Tranh minh hoạ bài đọc được phóng to trên giấy khổ lớn, hoặc chiếu lên màn hình chiếu.
- Phiếu học tập để làm bài tập chính tả hoặc phần luyện tập về từ và câu.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1 - 2

ÔN BÀI CŨ

HS nhắc lại tên bài học trước (*Ánh sáng của yêu thương*) và nói về một số điều thú vị mà HS học được từ bài học đó.

ĐỌC

1. Khởi động

- GV hướng dẫn cả lớp quan sát tranh và nêu nội dung tranh (Tranh vẽ các hoạt động cùng vui chơi của các anh chị em. Tranh 1: anh trai và em gái chơi trò kéo xe; Tranh 2: hai anh em chơi đá bóng; Tranh 3: hai chị em chơi búp bê; Tất cả mọi người đều rất vui vẻ).
- GV hướng dẫn HS trao đổi nhóm theo các nội dung: Em thường hay chơi với anh chị em nào? Em thích chơi trò chơi gì cùng người đó? Vì sao em thích chơi trò chơi đó cùng anh chị em của mình?
- Từng HS nói trong nhóm. Các HS khác nghe, nhận xét, góp ý.
- GV lưu ý: HS có thể chia sẻ về việc vui chơi với người nào cũng được (anh chị em ruột, anh chị em họ, anh chị em hàng xóm,...), miễn là gần bó, thân thiết với HS.
- Đại diện một số nhóm chia sẻ trước lớp.
- GV nhận xét chung và dẫn vào bài đọc (một câu chuyện đơn giản, nhẹ nhàng về hai anh em chơi trò chơi chong chóng với nhau rất vui, thông qua đó ta thấy được sự quan tâm, nhường nhịn lẫn nhau của hai anh em).

2. Đọc văn bản

- HS quan sát tranh minh họa bài đọc (hai anh em đang vừa chạy vừa giơ chiếc chong chóng ra trước để chong chóng quay, trong khung cảnh sân nhà rộng rãi. Hai anh em đang cười rất tươi, có lẽ rất vui.).
- GV đọc mẫu toàn VB với giọng kể. Ngắt giọng, nhấn giọng đúng chỗ. (VD: nhấn giọng ở những chỗ như *xinh như một bông hoa; rồi đột ngột dừng lại,...*). HS đọc thầm VB trong khi nghe GV đọc mẫu.
- + GV hướng dẫn HS luyện đọc những câu dài. (VD: *Mỗi chiếc chong chóng/ chỉ có một cái cán nhỏ và dài,/ một đầu/ gắn bốn cánh giấy mỏng,/ xinh như một bông hoa.*)
- + GV hướng dẫn HS luyện đọc một số từ ngữ có thể khó đọc đối với các em do ảnh hưởng của phát âm địa phương như *lướt, lại, lạ, buồn thiu, cười toe,...*
- + GV chia VB thành các đoạn: đoạn 1: từ đầu đến *rất lạ*; đoạn 2: phần còn lại.
- + GV mời 2 HS đọc nối tiếp từng đoạn trước lớp (HS1 đọc đoạn 1, HS2 đọc đoạn 2) để HS biết cách đọc theo cặp.
- + GV giải thích nghĩa của một số từ ngữ trong mục *Từ ngữ*.
- Luyện đọc theo nhóm/ cặp: HS đọc nối tiếp theo cặp như các HS đã đọc mẫu trước lớp.
- Luyện đọc cá nhân: Từng em tự luyện đọc toàn bộ bài đọc. GV giúp đỡ HS gặp khó khăn khi đọc bài, tuyên dương HS đọc tiến bộ.

3. Trả lời câu hỏi

Câu 1. *Tìm chi tiết cho thấy An rất thích chơi chong chóng.*

– HS làm việc cá nhân và nhóm:

+ Từng HS đọc thầm lại đoạn 1, tìm các chi tiết nói về việc An thích chơi chong chóng (GV gợi ý: chú ý các từ chỉ cảm xúc như *thích, mê*).

+ HS trao đổi đáp án trong nhóm.

– GV mời đại diện 2 – 3 nhóm trả lời câu hỏi. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung (nếu thấy chưa đầy đủ).

– GV và HS thống nhất câu trả lời. (Các chi tiết cho thấy An rất thích chơi chong chóng: An yêu thích những chiếc chong chóng giấy; An thích chạy thật nhanh để chong chóng quay; hai anh em đều mê chong chóng.)

Câu 2. *Vì sao An luôn thắng khi thi chơi chong chóng cùng bé Mai?*

– HS làm việc cá nhân và nhóm:

+ Từng HS đọc lại đoạn 2 của VB và tìm các chi tiết liên quan đến việc An thường thắng khi chơi chong chóng.

+ Trao đổi đáp án trong nhóm.

– GV mời đại diện 2 – 3 nhóm trả lời câu hỏi. GV và HS nhận xét.

– GV và HS thống nhất câu trả lời. (Vì An chạy nhanh hơn nên chong chóng quay lâu hơn.)

Câu 3. *An nghĩ ra cách gì để bé Mai vui?*

– HS làm việc cá nhân và nhóm:

+ Từng HS đọc thầm lại đoạn 2 của VB, tìm chi tiết bé Mai rất buồn vì thua mãi và An nghĩ ra cách làm cho bé vui.

+ Trao đổi đáp án đúng.

– GV mời đại diện 2 – 3 nhóm trả lời câu hỏi.

– GV và HS thống nhất câu trả lời. (Mai buồn vì thua, nên An đã làm cho Mai vui bằng cách nhường Mai thắng. An để Mai đưa chong chóng ra trước quạt máy, còn mình tự thổi phù phù cho chong chóng quay.)

Câu 4. *Qua câu chuyện, em thấy tình cảm của anh em An và Mai thế nào?*

– HS làm việc cá nhân và nhóm:

+ Từng HS làm các việc sau:

- Tìm đoạn văn nói về việc hai anh em An và Mai chơi chong chóng và đọc thầm.
- Tìm các chi tiết thể hiện tình cảm của hai anh em. (An rủ Mai chơi, An nhường Mai thắng, Mai cũng thích đồ chơi giống như anh.)
- Tìm từ ngữ thích hợp để nói về tình cảm của hai anh em.

+ Trao đổi đáp án trong nhóm.

– GV mời đại diện 2 – 3 nhóm trả lời. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

- GV và HS thống nhất câu trả lời. (Anh em An và Mai rất đoàn kết, yêu thương, nhường nhịn lẫn nhau.)

4. Luyện đọc lại

Một HS đọc lại cả bài. Cả lớp đọc thầm theo.

5. Luyện tập theo văn bản đọc

Câu 1. *Tìm từ ngữ trong bài đọc tả chiếc chong chóng.*

- HS làm việc chung cả lớp:
- + GV hướng dẫn HS đọc lại đoạn 1 để tìm các chi tiết trả lời cho câu hỏi.
- + GV gọi 2 – 3 HS trả lời. Các HS khác có thể bổ sung (nếu thấy chưa đầy đủ).
- GV và HS thống nhất câu trả lời. (*cán nhỏ và dài, một đầu gắn bốn cánh giấy mỏng, xinh như một bông hoa.*)
- Nếu HS trả lời nhanh, GV có thể mở rộng câu hỏi: Tìm các từ ngữ (ngoài bài đọc) tả chiếc chong chóng. GV hướng dẫn HS quan sát chiếc chong chóng trong tranh minh họa bài đọc, hoặc GV chuẩn bị một chiếc chong chóng thật để HS quan sát và tả bằng các từ ngữ phù hợp. (VD: chong chóng có nhiều màu sắc sỡ; cánh chong chóng được uốn cong mềm mại, ghim chặt ở giữa; chong chóng quay tít như chiếc quạt máy,...)

Câu 2. *Nếu em là Mai, em sẽ nói gì với anh An sau khi chơi?*

- GV gợi ý HS:
- + Khi chiến thắng một trò chơi, em có cảm xúc gì? Em nói gì để thể hiện cảm xúc đó?
- + Nếu biết anh nhường mình thắng, em nên nói gì?
- + Em nói gì để thể hiện em rất thích một trò chơi?
- + Em nói thế nào để thể hiện em muốn chơi tiếp một trò chơi?
- HS làm việc cá nhân và nhóm:
- + Đây là câu hỏi mở, HS tự do trả lời. GV khuyến khích HS có nhiều câu trả lời khác nhau miễn là phù hợp.
- + Từng HS luân phiên đóng vai Mai để nói trong nhóm.
- GV mời đại diện 2 – 3 nhóm nói trước lớp. GV và HS nhận xét.
- GV và HS thống nhất đáp án. (HS có thể nói: Em cảm ơn anh!/ Trò chơi này vui quá!/ Lần sau mình lại chơi tiếp nhé,...)
- GV theo dõi các nhóm, hỗ trợ HS gặp khó khăn trong nhóm.

TIẾT 3

VIẾT

1. Nghe viết

- GV nêu yêu cầu nghe – viết (viết đoạn *Chơi chong chóng*, từ đầu đến *háo hức*).
- GV đọc một lần đoạn văn viết chính tả cho HS nghe.

- GV mời 1 – 2 HS đọc lại đoạn văn trước lớp.
- GV hướng dẫn HS :
 - + Quan sát những dấu câu có trong đoạn văn sẽ viết (có thể cho HS nhìn trong SHS hoặc GV chiếu đoạn văn trên màn hình), giúp các em biết gọi tên các dấu câu: dấu chấm, dấu phẩy.
 - + Viết hoa tên bài, viết hoa chữ đầu mỗi câu.
 - + Viết những tiếng khó hoặc những tiếng dễ viết sai do ảnh hưởng của cách phát âm địa phương như *chơi, chạy, trước, xem, sân, quay, mỗi, mỏng,...*
- GV đọc tên bài, đọc từng câu cho HS viết vào vở. Chú ý: Câu dài cần đọc theo từng cụm từ.
- GV đọc lại đoạn văn cho HS soát lại bài viết. Sau đó, HS đổi vở cho nhau để phát hiện lỗi và góp ý cho nhau theo cặp hoặc nhóm.
- GV hướng dẫn chữa một số bài trên lớp, nhận xét, động viên khen ngợi các em.

2. Chọn a hoặc b.

- GV chọn cho HS làm bài tập a hoặc b.
- a. *Chọn iu hoặc ưu thay cho ô vuông.*
- GV chiếu hoặc dán từ ngữ lên bảng.
 - Từng HS tự tìm đáp án.
 - GV mời 2 – 3 HS lên bảng điền vào chỗ trống. HS và GV nhận xét, thống nhất đáp án. (*sưu tâm, phụng phịu, dịu dàng, tự trường.*)
 - HS đồng thanh đọc đáp án trên bảng.
- b. *Tìm từ ngữ chỉ sự vật có tiếng chứa vần ăt, ăc, âc hoặc ác.*
- GV chiếu hoặc dán tranh có hình lên bảng.
 - GV hướng dẫn HS nhận biết đồ vật trong hình và gọi tên đồ vật.
 - HS làm việc nhóm để tìm đáp án.
 - Đại diện 2 – 3 nhóm HS lên bảng viết tên đồ vật dưới hình đúng yêu cầu bài học (được chiếu hoặc dán). Các nhóm HS khác và GV nhận xét, tổng kết đáp án (*lật đật, mắc áo, ruộng bậc thang, mặt nạ*). Một số HS đọc to đáp án.
 - HS đồng thanh đọc đáp án trên bảng.

TIẾT 4

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

1. Tìm từ ngữ về tình cảm gia đình.

- Cả lớp: GV hướng dẫn HS trao đổi nhóm với nội dung:
- + Nêu các mối quan hệ trong gia đình (bố với mẹ, bố/ mẹ với con, anh/ chị với em, ông/ bà với cháu,...).

+ Tìm các từ ngữ chỉ tình cảm giữa mọi người trong gia đình. (GV có thể gợi ý bằng các câu hỏi nhỏ: Tình cảm giữa bố mẹ với con như thế nào? Tình cảm giữa anh chị với em như thế nào?...)

– HS làm việc nhóm.

– Đại diện 2 – 3 nhóm chia sẻ trước lớp. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

– GV và HS thống nhất đáp án. (tôn trọng, kính trọng, yêu thương, che chở, đùm bọc, gắn bó, thân thiết,...)

2. Những câu nào dưới đây nói về tình cảm anh chị em?

– Cả lớp:

+ Một HS đọc to câu hỏi, cả lớp đọc thầm theo. (GV có thể dán hoặc chiếu các câu tục ngữ lên bảng.)

+ GV hướng dẫn HS trao đổi nhóm với nội dung: Đọc to các câu tục ngữ; Trao đổi về ý nghĩa của các câu tục ngữ; Xác định câu tục ngữ nào nói về tình cảm anh chị em.

– HS làm việc nhóm:

– Đại diện 2 – 3 nhóm chia sẻ về ý nghĩa của các câu tục ngữ và trả lời câu hỏi: Câu nào nói về tình cảm anh chị em?

– GV và HS thống nhất đáp án. (Những câu tục ngữ nói về tình cảm anh chị em: *Chị ngã em nâng; Anh thuận em hoà là nhà có phúc; Anh em như thể chân tay, Rách lành đùm bọc, dở hay đỡ đần.*)

3. Cần đặt dấu phẩy vào vị trí nào trong các đoạn văn sau?

– HS làm việc nhóm: Đọc thành tiếng từng câu trong bài tập; xác định ranh giới giữa các từ, cụm từ trong câu; HS xác định các từ/ cụm từ cùng chức năng nhưng chưa được ngăn cách bởi dấu phẩy. (VD: câu a có các cụm *sóc anh/ sóc em, hạt vừa/ hạt nhỏ*. Câu b có *yêu thương/ chăm sóc, làm bài tập/ chơi với tớ/ cùng tớ làm việc nhà*.)

HS đặt dấu phẩy vào những chỗ cần ngăn cách giữa các cụm từ đã tìm được.

– Đại diện 3 – 4 nhóm chia sẻ trước lớp. Các nhóm khác nhận xét, đánh giá.

– GV và HS thống nhất đáp án. (a. Sóc anh, sóc em kiếm được rất nhiều hạt dẻ. Hai anh em để dành hạt lớn cho bố mẹ. Hạt vừa, hạt nhỏ để hai anh em ăn.; b. Chị tớ luôn quan tâm, chăm sóc tớ. Chị tớ thường hướng dẫn tớ làm bài tập, chơi với tớ, cùng tớ làm việc nhà. Tớ yêu chị lắm!)

TIẾT 5 – 6

LUYỆN VIẾT ĐOẠN

1. Quan sát tranh, đọc tin nhắn của sóc con và trả lời câu hỏi.

– HS làm việc nhóm, hỏi – đáp theo từng câu hỏi gợi ý:

+ *Sóc con nhắn tin cho ai?* (Sóc nhắn tin cho mẹ.)

+ *Sóc nhắn cho mẹ điều gì?* (Sóc sang nhà bà và không ăn cơm ở nhà. Tối sóc sẽ về.)

- + Vì sao sóc phải nhắn tin? (Vì bố mẹ đi vắng, không thể xin phép trực tiếp được. Do đó cần phải nhắn tin cho bố mẹ biết mình đi đâu, làm gì để bố mẹ yên tâm.)
- Đại diện 2 – 3 nhóm trả lời các câu hỏi trước lớp. Các nhóm khác nhận xét và góp ý.

2. Viết tin nhắn cho người thân.

- GV cho một HS đọc to tình huống và yêu cầu. Các HS đọc thầm theo.
- GV hướng dẫn HS trao đổi nhóm, hỏi đáp về tình huống. Câu hỏi gợi ý:
 - + Em viết tin nhắn cho ai?
 - + Em muốn nhắn cho người đó điều gì?
 - + Vì sao em phải nhắn tin?
- Từng HS viết vào vở các câu trả lời và sắp xếp thành một tin nhắn.
- GV lưu ý HS mở đầu và kết thúc tin nhắn cần viết gì.
- Một số HS đọc bài trước lớp. (VD: Mẹ ơi! Ông đưa con đi mua sách. Mua sách xong con sẽ về ạ. Mẹ yên tâm mẹ nhé. Con: (tên).)
- Cả lớp và GV nhận xét.
- Từng HS tự sửa đoạn văn đã viết. HS đổi bài cho bạn để sửa chữa hoàn chỉnh bài viết.

ĐỌC MỞ RỘNG

1. Tìm đọc một bài thơ, câu chuyện kể về sinh hoạt chung của gia đình (nấu ăn, thăm họ hàng, đi du lịch,...).

- Trong buổi học trước, GV đã giao nhiệm vụ cho HS tìm đọc một bài thơ, câu chuyện kể về sinh hoạt chung của gia đình. GV có thể chuẩn bị một số bài thơ/ câu chuyện phù hợp (có thể lấy từ tủ sách của lớp hoặc mượn trong thư viện trường) và cho HS đọc ngay tại lớp.
- HS làm việc nhóm đôi hoặc nhóm 3, nhóm 4 trao đổi về nội dung của câu chuyện, bài thơ mà mình đã đọc. (Câu hỏi gợi ý: Tên của bài thơ/ câu chuyện là gì? Tác giả là ai? Câu chuyện, bài thơ nói về sinh hoạt chung nào của gia đình? Em thích nhất hoạt động nào? Vì sao em thích?)

2. Kể lại câu chuyện hoặc đọc một đoạn thơ cho các bạn nghe. Chia sẻ điều em thấy thú vị nhất trong câu chuyện hoặc bài thơ đã đọc.

- HS làm việc nhóm:
 - + Mỗi HS chọn một đoạn thơ hoặc một câu chuyện để đọc hoặc kể trong nhóm.
 - + HS nói về điều thú vị nhất trong câu chuyện hoặc bài thơ đã đọc.
- GV có thể mời 2 – 3 HS đọc thơ hoặc kể chuyện trước lớp và chia sẻ về điều thú vị nhất trong thơ hoặc câu chuyện.
- Một số HS khác nhận xét, đánh giá.
- GV nhận xét, đánh giá chung và khen ngợi những HS có cách kể chuyện hoặc đọc thơ sinh động, hấp dẫn. Nói rõ ưu điểm để HS cùng học hỏi.

- GV có thể cho HS bình chọn các câu chuyện hoặc bài thơ hay và khuyến khích HS trong lớp có thể tìm đọc thêm (hoặc nếu HS mang sách đến lớp thì GV khuyến khích HS trao đổi sách để mở rộng nội dung đọc).

CỦNG CỐ

- GV yêu cầu HS nhắc lại những nội dung đã học. GV tóm tắt lại những nội dung chính. Sau bài *Chơi chong chóng*, các em đã:

+ Đọc - hiểu VB *Chơi chong chóng*.

+ Nghe - viết đúng đoạn chính tả *Chơi chong chóng* làm bài tập chính tả.

+ Nhận biết từ ngữ chỉ tình cảm gia đình, biết cách sử dụng dấu phẩy.

+ Biết viết tin nhắn cho người thân.

- HS nêu ý kiến về bài học (Em thích hoạt động nào? Vì sao? Em không thích hoạt động nào? Vì sao?). GV tiếp nhận ý kiến phản hồi của HS về bài học.

- GV nhận xét, khen ngợi, động viên HS.

- Khuyến khích HS thực hành giao tiếp ở nhà.